

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày: 04-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hùng
Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

Lâm Văn T (tên gọi khác T Mọi) sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Bình Quý, xã Bình Thủy, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con bà Lâm Thị Kim Liễu, sinh năm 1970; có vợ tên Hứa Ngọc Nhi, sinh năm 1992 và 04 con;

Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/6/2008 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định số 1880/QĐ-UB-NC đưa vào trường giáo dưỡng số 5 thời hạn 24 tháng; đến ngày 01/4/2010 chấp hành xong. Ngày 15/10/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Thủy lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 02 ngày; Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/10/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Lê Minh P, sinh năm 1985 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Bình Hòa, xã Bình Thủy, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị Ngọc Xương sinh năm 1958; vợ không rõ họ tên, có 01 con, sinh năm 2008;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện C ra Quyết định số 33/QĐ-TA về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 14 tháng, ngày 19/7/2018 chấp hành xong.

Nhân thân: Ngày 24/9/2019 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Thủy lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 ngày; Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/10/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp Bình Quý, xã Bình Thủy, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa: Ông Hà Quang Vân là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang, bào chữa cho bị cáo Lê Minh P (có mặt).

Người làm chứng: Bà Trần Thị Thủy, ông Nguyễn Công Danh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 23/9/2019, Lâm Văn Tí và Lê Minh P rủ nhau đi trộm cắp điện thoại. Lâm Văn T và Lê Minh P vào nhà của bà Phạm Thị Tr thuộc tổ 11, ấp Bình Quý, xã Bình Thủy, huyện C, tỉnh An Giang tìm điện thoại để trộm nhưng không thấy điện thoại. T và P thấy có 01 xe mô tô biển kiểm soát 59U1-216.64 màu trắng đậu trước nhà nên T và P lấy trộm. T và P thay phiên nhau dẫn xe mô tô lấy từ nhà bà Tr, mục đích dẫn đến khu vực chợ tìm kiếm người bán xe lấy tiền tiêu xài. Khi dẫn xe đến gần đình Bình Thủy thì bị bà Trần Thị Thủy nhìn thấy. T và P giấu xe ở Miếu ông Hồ. Sau đó T và P tiếp tục dẫn xe qua cầu Bình Thủy thì bị ông Nguyễn Công Danh nhìn thấy. T và P lo sợ bà Thủy và ông Danh báo công an nên T và P bàn bạc dẫn xe mô tô bỏ lại trước cửa trụ sở Công an xã Bình Thủy.

Theo Kết luận định giá tài sản số 53/KL.DGTS ngày 27/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nozza, màu trắng, biển kiểm soát 59U1-216.64 số máy DR10BY016930, số khung 1DR1016934 tại thời điểm ngày 23/9/2019 trị giá là 6.000.000đồng.

Về trách nhiệm bồi thường: Bà Phạm Thị Tr đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Bản cáo trạng số: 02/CT-VKSCP ngày 09/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lâm Văn T và Lê Minh P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình xử phạt bị cáo Lâm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình xử phạt bị cáo Lê Minh P từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh P phát biểu ý kiến bào chữa cho bị cáo: Không tranh luận với Viện kiểm sát về tội danh của bị cáo, thống nhất bị cáo P có 02 tình tiết giảm nhẹ là điểm i, s Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng đề nghị áp dụng thêm:

- + Điều 16 của Bộ luật Hình sự quy định về hành vi của bị cáo tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội do bị cáo đủ điều kiện để dịch chuyển tài sản nhưng bị cáo không làm vậy mà bị cáo đã tự nguyện mang xe đến trụ sở Công an xã Bình Thủy trả lại cho chủ sở hữu.

- + Điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự về tính tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, vì tài sản đã trả lại cho chủ sở hữu.

- + Điều 54 Bộ luật Hình sự và Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự đề xử bị cáo dưới khung hình phạt vì có 03 tình tiết giảm nhẹ điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại bà Phạm Thị Tr không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, về hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Bị cáo Lâm Văn T và Lê Minh P thừa nhận có hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố. Lời nói sau cùng của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng làm lại người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa bị cáo Lâm Văn T và Lê Minh P thừa nhận hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo Lâm Văn T và Lê Minh P phù hợp với lời khai của người làm chứng; các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xác định: Ngày 23/9/2019 tại nhà bà Phạm Thị Tr thuộc tổ 11, ấp Bình Quý, xã Bình Thủy, huyện C, tỉnh An Giang, bị cáo Lâm Văn T và Lê Minh P đã lén lấy trộm của bà Phạm Thị Tr 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nozza, màu trắng, biển kiểm soát 59U1-216.64 số máy DR10BY016930, số khung 1DR1016934.

Căn cứ kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 6.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....”.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo T, bị cáo P phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Về nhân thân, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tài sản hợp pháp của công dân là một trong những đối tượng được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Các bị cáo trước phiên tòa đều là người đã thành niên, có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi, có sức khỏe để lao động làm ăn chân chính nuôi sống bản thân, tạo dựng cuộc sống có ích cho gia đình và xã hội, nhưng các bị cáo lười lao động, nghiện ma túy, muốn có tiền nhanh để tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu bản thân mà không phải tốn nhiều công sức lao động, bất chấp pháp luật, biết trộm tài sản của người khác là hành vi trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, vi phạm pháp luật của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bất ổn trong quần chúng nhân dân, tài sản chiếm đoạt có giá trị là 6.000.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo T và Pháp cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất, mức độ phạm tội khác nhau nên cần phải phân hóa vai trò, mức độ phạm tội và kết hợp với nhân thân của các bị cáo để xử lý theo quy định.

Mặc dù, cùng nhau thực hiện hành vi nhưng bị cáo T là người có vai trò chính, bị cáo T là người đề xuất, rủ bị cáo P trộm tài sản của người khác. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Bị cáo P là người bị bị cáo T rủ tham gia thực hiện hành vi, phạm tội với vai trò giúp sức, nhưng nhân thân xấu, có 01 tiền sự bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, bị cáo P phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo chưa có tiền án; thuộc thành phần lao động nghèo; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện giao tài sản lại trụ sở Công an xã Bình Thủy trả lại cho chủ sở hữu; hành vi phạm tội của các bị cáo là do sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản của mình đã làm nảy sinh lòng tham của các bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét hoàn cảnh các bị cáo khó khăn và con còn nhỏ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về các biện pháp tư pháp:

[4.1] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Nozza, màu trắng, biển kiểm soát 59U1-216.64 số máy DR10BY016930, số khung 1DR1016934 đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp quy định.

[5] Hành vi chiếm đoạt tài sản xe mô tô biển số 67M7 – 1555 trị giá 3.500.000 đồng của T và P chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo về hành vi này là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo Lâm Văn T và Lê Minh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Lâm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tuyên bố bị cáo Lê Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lâm Văn T 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18/10/2019.

- Xử phạt bị cáo Lê Minh P 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18/10/2019.

3. Về án phí:

- Buộc bị cáo Lâm Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Lê Minh P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2020).

Nơi nhận:

- Bị cáo (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện C (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh an Giang (1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HCP (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- CCTHADS huyện C (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi